

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày: 02-8-2019

V/v Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Tiến

2. Ông Trần Trọng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST- DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn A 2, xã C, huyện V, tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Hồ Kh, sinh năm 1978; trú tại: Thôn A 2, xã C, huyện V, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2018)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Kim C, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn H 2, xã C, huyện V, tỉnh B

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1966 (Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 14/3/2019).

Địa chỉ: Thôn H 2, xã C, huyện V, tỉnh B

3.2. Hồ Thị Kim L, sinh năm 1956

3.3. Chị Trần Thị K, sinh năm 1975

3.4. Anh Trần Hồ Kh, sinh năm 1978

3.5. Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1982

3.6. Anh Trần Ý L, sinh năm 1983

Đồng địa chỉ: Thôn A 2, xã C, huyện V, tỉnh B

Người đại diện hợp pháp của bà L, chị K, chị A, anh L: Anh Trần Hồ Kh là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2018 và 02/10/2018)

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Nguyễn Ngọc C

4.2. Ông Võ Duy H

4.3. Ông Nguyễn Văn T

Đồng địa chỉ: Thôn H 2, xã C, huyện V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2018 của nguyên đơn; tại bản tự khai ngày 17/12/2018 và trong quá trình xét xử, người được nguyên đơn ủy quyền – Anh Trần Hồ Kh trình bày:

Năm 1998, gia đình ông T gồm có cha ông T là ông Trần B (đã chết), cô của ông T là bà Trần Thị Q (đã chết), ông Trần Văn T cùng với vợ là bà Hồ Thị Kim L và các con là Trần Thị K, Trần Hồ Kh, Trần Thị Ngọc A và Trần Ý L được UBND huyện Vân Canh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số vào sổ 00939 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998. Trong tổng số diện tích đất gia đình ông T được cấp có thửa đất số 790, tờ bản đồ số 10 diện tích 1.100m² nằm gần với đất của ông Đỗ Kim C ở thôn H, xã C, huyện V, tỉnh B. Sau khi được cấp đất, gia đình ông T đã canh tác trồng cây mía, đậu phộng trên thửa đất số 790, tờ bản đồ số 10 trong thời hạn là 03 năm. Sau đó, ông Đỗ Kim C có xin ông T cho thuê diện tích đất trên để sản xuất trong vòng 5 năm nhưng không viết giấy tờ gì. Hết thời hạn 5 năm, ông T đã nhiều lần đòi lại đất nhưng ông C không chịu trả mà còn tiếp tục trồng cây keo trên đất của gia đình ông T. Gia đình ông T tiếp tục chờ 4 năm sau ông C khai thác cây keo, ông T tiếp tục lên nhà đòi lại đất, vợ ông C thì chấp nhận trả lại đất còn ông C không chịu trả mà còn hăm dọa ông T. Do đó, ông T đã làm đơn báo cáo UBND xã C giải quyết nhưng không thành, nên ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Kim C phải trả lại cho gia đình ông Trần Văn T diện tích 1.100m² đất màu thuộc thửa đất số 790, tờ bản đồ số 10, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00939 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998. Sau khi Hội đồng định giá tiến hành đo đạc, định giá tài sản xác định diện tích đất tranh chấp chỉ còn 996m² vì lý do đất gần bờ sông bị mưa lũ làm sạt lở, thuộc thửa số 790b, tờ bản đồ số 10. Anh Kh yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Đỗ Kim C phải trả lại cho hộ ông Trần Văn T 996m² đất màu thuộc thửa đất số 790b, tờ bản đồ số 10, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00939 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 22/02/2019, bị đơn – Ông Đỗ Kim C trình bày:

Nguyên diện tích đất mà ông và ông T đang tranh chấp có nguồn gốc là đất của cha ông C là ông Đỗ Kim A mua lại của vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Kim C vào năm 1988 (trước đây ông T, bà C ở thôn thôn H, xã C, huyện V, tỉnh B nhưng hiện tại ở đâu thì ông không biết). Hai bên có viết Giấy chuyển nhượng nhà và vườn cây ăn quả nhưng trong giấy chuyển nhượng không ghi diện tích là bao nhiêu, chỉ ghi giới cận đất là Đông giáp đường vô sự phạm; Tây giáp suối; Nam giáp đường Quốc lộ 6B Cầu Khẩu; Bắc giáp đường sắt. Sau một thời gian sử dụng, cha mẹ cùng các anh chị em trong gia đình thống nhất giao cho ông Chung quyền quản lý, sử dụng diện tích đất trên và ông đã được Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất theo Nghị định 64 của Chính phủ. Đến năm 2000, gia đình ông C được đổi lại Giấy CNQSD đất có số vào sổ 01316 QSDĐ/M4 ngày 04/10/2000. Diện tích đất 1.100m² ông T đang tranh chấp với ông thuộc thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10, Giấy CNQSDĐ có số vào sổ 01316 QSDĐ/M4 ngày 04/10/2000. Việc ông T cho rằng diện tích đất tranh chấp là của ông T cho ông thuê đến nay chưa trả là không đúng, vì từ khi ông được cha mẹ cho sử dụng đất đến năm 2015 không có ai đến tranh chấp đất với ông và cũng không có ai trong gia đình ông T đến nhà ông đòi lại đất. Nhưng từ khi cha ông chết (năm 2016), ông T lại khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại cho hộ ông T 1.100m² đất màu thuộc thửa đất số 790, tờ bản đồ số 10, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00939 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998. Ông không chấp nhận trả lại đất cho ông T vì diện tích đất này gia đình ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10, Giấy CNQSDĐ có số vào sổ 01316 QSDĐ/M4 ngày 04/10/2000.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Hồ Thị H trình bày:

Nội dung bà H trình bày giống như nội dung ông Đỗ Kim C chồng bà H trình bày trên. Bà H không chấp nhận trả lại đất theo yêu cầu của ông Trần Văn T và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh:**

Về thủ tục tố tụng: Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định phần diện tích đất các bên đang tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh giao quyền sử dụng cho hộ ông Trần Văn T tại thửa đất số 790b, tờ bản đồ số 10 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ 00939 QSDĐ/M4 ngày 10/01/1998. Căn cứ Công văn số 1290/UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh thì thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10, diện tích là 3.234m² được UBND huyện Vân Canh cấp cho hộ ông Đỗ Kim A vào năm 1998, đến năm 2000 ông A chuyển đổi quyền sử dụng đất đó cho ông C, còn thửa đất số 790b, diện tích 1.100m² được

UBND huyện cấp cho hộ ông T vào năm 1998. Hai thửa đất 615 và 790b nằm trên tờ bản đồ số 10, nằm liền kề nhau và có ranh giới rõ ràng, không chồng lấn với nhau. Căn cứ Điều 105, 165, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 20, 73 Luật đất đai 1993 và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa xác định quan hệ pháp luật là “Đòi lại tài sản” theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài sản đang tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện V, tỉnh B nên Tòa án nhân dân huyện Vân Canh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 05/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Vân Canh mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn ông Đỗ Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo triệu tập cho ông C nhưng tại phiên tòa hôm nay ông C tiếp tục vắng mặt lần 2 mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, ông Trần Văn T yêu cầu ông Đỗ Kim C trả lại cho hộ ông T 1.100m² đất thuộc thửa đất số 790, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00939 QSDĐ/M4, cấp cho hộ ông Trần Văn T vào ngày 10/01/1998. Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng định giá tài sản tiến hành đo đạc, định giá tài sản tranh chấp xác định diện tích đất thực tế hai bên tranh chấp là 996m² thuộc thửa số 790b, tờ bản đồ số 10, có giới cận: Đông giáp đất do UBND xã quản lý, Tây giáp bờ suối, Nam giáp đất vườn của ông Chung, Bắc giáp đường sắt Bắc Nam, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện V, tỉnh B. Tại Công văn số 1290/UBND ngày 31/5/2019 của UBND huyện Vân Canh cung cấp thông tin địa chính vụ án tranh chấp đất đai giữa ông Trần Văn T và ông Đỗ Kim C xác định: Theo kết quả đo đạc tờ bản đồ số 10 năm 1994 của xã C không có thửa 790 mà chỉ có thửa số 790a và 790b. Hộ ông Trần Văn T được UBND huyện Vân Canh cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó có thửa số 790b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100m². Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông T là anh Trần Hồ Kh giao nộp bổ sung cho tòa 01 giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 00939 QSDĐ/M4, cấp cho hộ ông Trần Văn T ngày 10/01/1998. Theo Giấy chứng nhận QSD đất mà anh Kh giao nộp, UBND huyện Vân Canh xác định thửa đất số 790, tờ bản đồ số 10 cấp cho hộ ông T có sai sót, được đính chính lại là thửa đất số 790b, tờ bản đồ số 10. Như vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự là 996m², thuộc thửa 790b, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện V, tỉnh B.

[2.2]. Căn cứ Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ ông Trần Văn T và chứng cứ do Tòa án thu thập được thì phần diện tích đất mà các bên tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh cấp cho hộ ông Trần Văn T thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00939 QSDĐ, số seri giấy chứng nhận L 460518, cấp ngày 10/01/1998. Mặc dù, ông T và người đại diện của ông T không cung cấp được chứng cứ về việc có cho ông Đỗ Kim Cg thuê đất vì hợp đồng cho thuê bằng lời nói và ông C cũng không thừa nhận có thuê đất của ông T mà cho rằng diện tích đất hai bên tranh chấp có nguồn gốc là của cha ông C là ông Đỗ Kim A mua lại của vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Kim C vào năm 1988, sau đó ông C được gia đình giao cho quyền quản lý, sử dụng đến năm 2015 không có ai tranh chấp và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn T và Nguyễn Ngọc C thì phần diện tích đất hai bên tranh chấp có nguồn gốc trước đây là đất của ông Nguyễn Văn T. Năm 1996, Nhà nước thực hiện phương án chia đất cho dân sản xuất, do đất của gia đình ông Trát còn thừa so với số nhân khẩu trong gia đình được cấp đất, nên ông T giao phần đất thừa (hiện tại hai bên tranh chấp) lại cho Nhà nước và Nhà nước giao phần đất đó cho hộ ông T sử dụng, đến năm 1998 thì hộ ông T được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Lời khai của các nhân chứng phù hợp với lời khai của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về nguồn gốc đất tranh chấp.

[2.3] Vợ chồng ông C, bà H cho rằng diện tích đất hai bên tranh chấp có nguồn gốc là đất của cha ông C là ông Đỗ Kim A để lại cho ông C, ông C sử dụng đất liên tục đến năm 2015 không có ai tranh chấp và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10 thuộc Giấy CNQSDĐ có số vào sổ 01316 QSDĐ/M4, cấp ngày 04/10/2000. Nhưng ông C không giao nộp cho Tòa án bản chính hoặc văn bản chứng thực bản sao mà chỉ giao nộp bản phô tô các loại giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận QSD đất, đơn xin đất cất nhà, giấy chuyển nhượng nhà và vườn cây ăn quả, trích lục sơ đồ thửa đất. Qua xác minh, lấy lời khai ông Võ Ngọc H là người xác nhận đơn xin đất cất nhà và ông Võ Duy H là người xác nhận giấy chuyển nhượng nhà và vườn cây ăn trái của ông Nguyễn Thanh T, ông Võ Ngọc H và ông Võ Duy H thừa nhận có ký xác nhận các loại giấy tờ trên nhưng không biết diện tích đất cụ thể là bao nhiêu vì trong đơn xin đất và trong giấy chuyển nhượng không ghi diện tích đất. Sau đó, việc ông Đỗ Kim A và ông Đỗ Kim C được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất như thế nào các ông đều không biết.

Căn cứ chứng cứ, hồ sơ chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Kim A và ông Đỗ Kim C do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Vân Canh cung cấp và Công văn số 1290/UBND ngày 31/5/2019 của UBND huyện Vân Canh thì hộ ông Đỗ Kim A và hộ ông Trần Văn T được UBND huyện Vân Canh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng một thời điểm là ngày 10/01/1998. Hộ ông Đỗ Kim A được UBND huyện Vân Canh cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10, diện tích là 3.234m² (đất ở nông thôn 400m² và đất trồng cây hàng năm khác 2.834m²) giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 01066 QSDĐ/M4, cấp ngày 10/01/1998. Năm 2000, ông Đỗ Kim A đã hoán đổi toàn bộ diện tích thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10 cho ông Đỗ Kim C và hộ ông C đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2000. Hộ ông T được cấp giấy chứng nhận QSD đất, trong đó có thửa

đất số 790b, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100m². Theo kết quả đo đạc tờ bản đồ số 10 năm 1994 của xã C thì 02 thửa đất số 615 cấp cho hộ ông Đỗ Kim A vào năm 1998 sau đó ông A chuyển đổi cho ông C năm 2000 và thửa đất 790b cấp cho hộ ông T vào năm 1998 nằm trên tờ bản đồ số 10, nằm liền kề nhau và có ranh giới rõ ràng, phân biệt giữa các thửa đất với nhau không có sự chồng lấn với nhau.

[2.4] Như vậy, việc ông C cho rằng phần diện tích đất hiện tại hai bên tranh chấp đã được UBND huyện Vân Canh cấp cho ông C tại thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10, Giấy CNQSDĐ có số vào sổ 01316 QSDĐ/M4 ngày 04/10/2000 là không có căn cứ, mà có căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 790b tờ bản đồ số 10 diện tích 1.100m² cấp cho hộ ông Trần Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00939 QSDĐ/M4, ngày 10/01/1998. Căn cứ biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản và Bản đồ địa chính và công trình xây dựng đo thửa đất để định giá, giải quyết tranh chấp thì diện tích đất thực tế hai bên tranh chấp là 996m², giảm 104m² so với diện tích đất trong giấy chứng nhận QSD đất, nguyên nhân giảm là đất bị sạt lở do mưa lũ, nên việc ông T và người đại diện của ông T yêu cầu ông Đỗ Kim C phải trả lại cho hộ ông T 996m² đất là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 163, 166 và 186 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 20 và Điều 73 Luật đất đai năm 1993 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận nên ông Đỗ Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 02 Điều 26; điểm a khoản 02 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về chi phí tố tụng khác: Yêu cầu của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Đỗ Kim C phải chịu chi phí định giá tài sản với số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này người đại diện của ông T là anh Trần Hồ Kh đã nộp tạm ứng chi phí định giá xong nên ông Đỗ Kim C phải trả lại cho ông T 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo quy tại khoản 01 Điều 165 và khoản 01 Điều 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 165, 166, 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 166, 186 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 20, 73 Luật đất đai 1993, khoản 02 Điều 26; điểm a khoản 02 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc vợ chồng ông Đỗ Kim C, bà Hồ Thị H phải trả lại cho hộ ông Trần Văn T 996m² đất thuộc thửa số 790b, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00939

QSDĐ/M4, ngày 10/01/1998, tọa lạc tại H 2, xã C, huyện V, tỉnh B (Có Bản đồ địa chính và công trình xây dựng đo thửa đất để giải quyết tranh chấp kèm theo)

[2]. Về án phí: Ông Đỗ Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Ông Trần Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006858 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

[3]. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đỗ Kim C phải chịu chi phí định giá tài sản với số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này người đại diện của ông T là anh Trần Hồ Kh đã nộp tạm ứng chi phí định giá xong nên ông C phải hoàn trả lại cho ông T 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vân Canh;
- Chi cục THADS huyện Vân Canh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT-TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Duy